TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP** Bản án số: 18/2026/HNGĐ-ST Ngày 29/01/2026 V/v tranh chấp ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hồng Thảo;

2. Ông Chiêu Đặng Thành Duy.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Như – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 105/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bé E, sinh năm 1972. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1974. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Bé E trình bày: Do quen biết nên bà và ông Nguyễn Hoàng N tiến tới hôn nhân vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng

01/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 12/4/2017 đến nay.

Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng N.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Như M, sinh ngày 10/10/1994 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 07/4/2008. Khi ly hôn bà Phạm Thị Bé E yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Phương A, không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng N cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Thị Như M đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bé E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật và nội dung vụ án như sau:

+ Về việc tuân thủ pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định tại các điều 48, 49, 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, bị đơn ông Nguyễn Hoàng N cư trú: Ấp X, xã H, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa bà Phạm Thị Bé E và ông Nguyễn Hoàng N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Phạm Thị Bé E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Bé E theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tòa án đã triệu tập, tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng N nhưng ông Nguyễn Hoàng N vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều

228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hoàng N.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Phạm Thị Bé E và ông Nguyễn Hoàng N chung sống như vợ chồng vào năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c Mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp. Nên pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Bé E và ông Nguyễn Hoàng N.

[5] Về con chung: Bà Phạm Thị Bé E và ông Nguyễn Hoàng N có 02 con chung tên Nguyễn Thị Như M, sinh ngày 10/10/1994 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 07/4/2008, hiện cháu Nguyễn Phương A đang sống với bà Phạm Thị Bé E. Khi ly hôn, con chung bà Phạm Thị Bé E yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Phương A, không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng N cấp dưỡng nuôi con; cháu Nguyễn Thị Như M đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, hiện tại cháu Nguyễn Phương A đang sống cùng bà Phạm Thị Bé E, cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt, hiện tại bà Phạm Thị Bé E có công việc thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc tốt con chung. Mặt khác, tại bản tự khai, cháu Nguyễn Phương A trình bày ý kiến có nguyện vọng được sống cùng bà Phạm Thị Bé E. Đối với ông Nguyễn Hoàng N từ khi vụ án thụ lý giải quyết cho đến khi xét xử cũng không có nguyện vọng được nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung nên tiếp tục giao cháu Nguyễn Phương A cho bà Phạm Thị Bé E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Phạm Thị Bé E không yêu cầu.

Cháu Nguyễn Thị Như M đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Bé E không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Phạm Thị Bé E phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Bé E và ông Nguyễn Hoàng N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phương A, sinh ngày 07/4/2008 cho bà Phạm Thị Bé E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà Phạm Thị Bé E không yêu cầu.

Ông Nguyễn Hoàng N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Bé E phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000505950 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên xem thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Kim Thúy